

CHỈ THỊ
Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2026.

Năm 2026 là năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030, với quyết tâm thực hiện mục tiêu tăng trưởng 02 con số và cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương không ngừng đổi mới, sáng tạo, phát huy ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển, chung sức, đồng lòng để tạo nền tảng tăng trưởng 02 con số cho giai đoạn 2026 - 2030 và năm 2026, tập trung xây dựng kế hoạch phát triển KTXH, dự toán NSNN năm 2026 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 với các nội dung chủ yếu sau:

A. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

I. YÊU CẦU

1. Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

a) Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 08/01/2025 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2025, Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025.

b) Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 phải bảo đảm đúng thực chất, trung thực, khách quan, sát với tình hình thực tế của tỉnh, có so sánh với kế hoạch, với cùng kỳ năm 2024 (*so sánh các chỉ tiêu lớn, điểm nổi bật, đột phát, những khó khăn, hạn chế...*), bao gồm: các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển KTXH 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2025; phân tích, đánh giá kỹ những kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá, kết quả phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh...; các tồn tại, hạn chế (*yêu cầu phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan và khách quan*); xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để kịp thời khắc phục, phấn đấu đạt và vượt 23/23 chỉ tiêu chủ yếu năm 2025.

2. Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

a) Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác, khách quan tình hình, kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm 2021 - 2024 và ước thực hiện năm 2025; dự báo kịp thời, sát tình hình trong tỉnh, trong nước và thế giới, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển ngành, lĩnh vực tác động đến khả năng hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2025; trên cơ sở đó xác định mục tiêu phát triển của kế hoạch năm 2026 phù hợp, bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Mục tiêu, định hướng và giải pháp phải bám sát, cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Tỉnh ủy, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, phù hợp với khả năng thực hiện của các ngành, các cấp gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong phát triển kinh tế - xã hội. Các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phải bảo đảm tính khả thi, được lượng hóa rõ ràng để có cơ sở đánh giá kết quả thực hiện.

c) Kế hoạch của các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; kế thừa, phát huy những kết quả đạt được, có phần đầu, có quyết tâm chính trị cao, bảo đảm kế thừa, phát huy những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu, tiếp cận xu hướng phát triển chung, đồng thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua.

d) Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực: (i) thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh; trường hợp chỉ tiêu đề xuất không thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh thì phải bảo đảm thống nhất về thông tin, số liệu thống kê, phục vụ tốt công tác theo dõi, đánh giá và xây dựng kế hoạch; (ii) bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; (iii) bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ, so sánh với các tỉnh thành bạn và cả nước; (iv) bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và (v) phù hợp với thông lệ và xu hướng phát triển.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

Các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương căn cứ yêu cầu tại mục I phần A, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 với các nội dung chủ yếu, gồm:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025

Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025, các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương tổ chức đánh giá và ước thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý. Nội dung đánh giá phải đầy đủ, thực chất, trung thực các kết quả đạt được (nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2025, so sánh với kết quả thực hiện năm 2024); phân tích

kỹ những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân cụ thể để có biện pháp khắc phục; đánh giá sâu kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 23-NQ/TU ngày 08/01/2025 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị năm 2025, Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 11/12/2024, Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 18/01/2025, Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025, Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 05/02/2025 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán NSNN năm 2025.

2. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 xây dựng trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen. Trong nước, thế và lực của đất nước sau gần 40 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn cả về quy mô và sức cạnh tranh; tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, các cân đối lớn được đảm bảo; nhiều chính sách, giải pháp điều hành được sửa đổi, bổ sung và ban hành từ đầu nhiệm kỳ và đầu năm 2025 đến nay đã và đang phát huy tác động tích cực; nhiều dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia đưa vào khai thác; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện; vị thế, uy tín của nước ta tiếp tục được nâng lên. Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn rất lớn, các vấn đề về xã hội, môi trường như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... gây áp lực lớn lên công tác điều hành kinh tế - xã hội.

Trong tình, kinh tế - xã hội đạt nhiều kết quả tích cực, một số dự án lớn triển khai thi công và sớm hoàn thành sẽ tạo động lực phát triển cho tỉnh... Tuy nhiên, nền kinh tế sẽ phải tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức từ những yếu kém nội tại do chưa hoặc chậm được khắc phục, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu... Trong bối cảnh đó, các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương cần nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

a) Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong tỉnh, trong vùng và cả nước tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đặc biệt, lưu ý những vấn đề như ảnh hưởng của chính sách thuế quan mới của Mỹ, xung đột quân sự Nga - Ukraine, an ninh khu vực, tình hình lạm phát thế giới, biến động giá cả hàng hóa, vật liệu xây dựng, các xu hướng, mô hình phát triển mới như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm, kinh tế biển, phát triển năng lượng sạch...; dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu tác động trực tiếp, nhiều mặt đến Trà Vinh...

b) Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026

c) Mục tiêu, một số chỉ tiêu chủ yếu; các Sở, ban ngành tỉnh, địa phương xây dựng phương án tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, trong đó quyết tâm đạt mục tiêu tăng trưởng 02 con số từ năm 2026.

d) Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu.

Các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương nghiên cứu, đề xuất các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu của năm 2026 bảo đảm thống nhất với nhiệm vụ, mục tiêu chung là tăng trưởng 02 con số và các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của dự thảo kế hoạch 05 năm 2026 – 2030 (đã thông qua thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp ngày 05/6/2025); đồng thời, phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực. Trong đó:

- Kế thừa và phát huy những kết quả đạt được trong năm 2025; quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực một cách hiệu quả; kiên quyết ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết công việc.

- Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục cơ cấu lại 03 lĩnh vực trọng tâm về đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức tín dụng. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế biển, kinh tế ban đêm, thương mại điện tử.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động phát triển kinh tế tư nhân, xem đây là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tái cấu trúc nền kinh tế theo hướng xanh, tuần hoàn, bền vững theo yêu cầu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị; thúc đẩy tinh thần kinh doanh trong toàn xã hội. Xây dựng môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch. Nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Thực hiện quyết liệt, hiệu quả hơn nữa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên các lĩnh vực theo các nghị quyết, chương trình hành động, kết luận về phát triển kinh tế - xã hội; 06 nhiệm vụ trọng tâm, 03 nhiệm vụ đột phá. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng việc rà soát, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, nhất là các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi trọng điểm. Tập trung thực hiện kết luận của lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại các buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Trà Vinh.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế; tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; tập trung triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Kế hoạch số 250-KH/TU và Kế hoạch số 39/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, phát huy giá trị văn hóa và con người Trà Vinh trở thành nguồn lực, động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh việc phát triển du lịch gắn với các đô thị, khu

sinh thái, du lịch văn hóa, cộng đồng. Tăng cường công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể và văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa. Quan tâm hơn nữa đến công tác giảm nghèo, an sinh xã hội và đời sống nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc Khmer, các xã đảo; đẩy mạnh việc thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt; bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi và tăng cường kiểm tra, giám sát. Tăng cường phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Tập trung công tác cải cách hành chính; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao thứ hạng các chỉ số PAR-Index, PAPI, SIPAS, PCI, PGI, ICT, PII.

- Chủ động nắm, kiểm soát tình hình từ bên ngoài tác động làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự trên địa bàn, nhất là trong đồng bào dân tộc, tôn giáo, khiếu kiện đông người, vượt cấp. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng, chống vi phạm pháp luật, kiểm chế tội phạm. Tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin mạng.

- Tăng cường công tác thông tin đối ngoại và hội nhập quốc tế, liên kết vùng góp phần quảng bá hình ảnh của cửa tỉnh để thu hút đầu tư nước ngoài. Tăng cường thu hút gắn với sử dụng hiệu quả vốn ODA và các nguồn vốn viện trợ từ các tổ chức NGO.

B. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2026 – 2028

I. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Năm 2026, là năm đầu triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương năm 2026 và Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Dự toán thu NSNN trên địa bàn

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Trà Vinh:

- Dự toán thu NSNN năm 2026 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành, đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời các nguồn thu của NSNN, tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về ngân sách, thuế, phí, lệ phí và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế, dự báo tình hình kinh tế, tài chính thế giới và trong nước. Tăng cường công tác quản lý,

chống thất thu; quản lý có hiệu quả các nguồn thu mới, quyết liệt xử lý nợ đọng thuế và kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế.

- Phần đầu dự toán thu nội địa năm 2026 không kê thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế tăng khoảng 10- 12% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2026 tăng khoảng 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2025.

- Toàn bộ số thu từ xử lý, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm cả thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng), thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ đi các chi phí có liên quan theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật.

2. Dự toán chi NSNN

Xây dựng dự toán chi NSNN năm 2026 đảm bảo các quy định của pháp luật; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN (nếu có); đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngân sách gắn với việc đẩy mạnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương 02 cấp theo các Nghị quyết và Kết luận của Trung ương và Bộ Chính trị; ưu tiên thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Quán triệt nguyên tắc công khai, minh bạch và yêu cầu thực hành tiết kiệm chống lãng phí theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng NSNN; xây dựng dự toán sát khả năng thực hiện, hạn chế tối đa việc hủy dự toán và chuyển nguồn sang năm sau. Chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ trùng lắp, sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi thực hiện theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2026. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và có nguồn bảo đảm; xác định các khoản giảm chi thường xuyên và chi đầu tư gắn với việc sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc cho chủ trương.

Trong đó, lưu ý một số nội dung sau:

2.1. Chi đầu tư phát triển

Bám sát các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển KTXH 10 năm 2021 - 2030, dự kiến Kế hoạch phát triển KTXH 05 năm 2026 - 2030; định hướng xây dựng kế hoạch Tài chính của tỉnh, vay, trả nợ công 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết của HĐND tỉnh (nếu có) quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN nhà nước giai đoạn 2026 – 2030 và Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công

trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, các quy hoạch quốc gia, ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương giai đoạn 2021 - 2030 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Xây dựng kế hoạch phải phù hợp với quy định của pháp luật, khả năng cân đối của NSNN trong năm; Kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm 2026 bố trí cho các nhiệm vụ, dự án phù hợp với khả năng thực hiện, giải ngân của từng dự án.

2.2. Đảm bảo điều kiện tốt nhất để tổ chức bầu cử Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2030 và bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XVI; thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức, sắp xếp, tinh gọn bộ máy; thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, kiên quyết cắt giảm các khoản chi thường xuyên không thực sự cần thiết, cấp bách.

2.3. Về chi NSNN cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan.

2.4. Các nhiệm vụ chi đầu tư từ nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của Sở, ban ngành lập dự toán theo đúng quy định, nguyên tắc, tiêu chí đầu tư tổng hợp báo cáo cấp thẩm quyền. Cơ quan, đơn vị có dự án đầu tư từ nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của Sở, ban ngành thực hiện tổng hợp vào dự toán ngân sách các nhiệm vụ chi liên quan đến chi đầu tư nguồn xử lý, sắp xếp nhà đất của Sở, ban ngành theo quy định (nếu có).

2.5. Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh xây dựng dự toán chi thường xuyên gắn việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 Khóa XII, Kế hoạch số 141/KH-BCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Chính phủ và các văn bản pháp luật, văn bản hướng dẫn về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

2.6. Các Sở, ban ngành tỉnh, địa phương căn cứ vào chế độ tiền lương, lương hưu, trợ cấp đối với người có công, các chính sách an sinh xã hội được cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện trong năm 2025, rà soát, lập dự toán cho năm 2026, chi tiết quỹ lương, các khoản đóng góp, các chính sách, chế độ chi cho con người, kèm theo mức tăng, giảm cụ thể; các kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế (nếu có).

2.7. Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia: Căn cứ vào dự toán Trung ương giao cho địa phương, các cơ quan chủ quản Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2026 của từng chương trình chi tiết theo từng Sở, ban, ngành tỉnh và từng địa phương, kinh phí đầu tư phát triển, thường xuyên theo từng lĩnh vực chi và tuân thủ các quy định của pháp luật về NSNN, đầu tư công.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

a) Dự toán thu ngân sách trên địa bàn:

Chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu tích cực, sát thực tế, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách phát sinh mới trên địa bàn. Cập nhật cơ chế mới trong quản lý nguồn thu được cấp có thẩm quyền ban hành, nhất là cơ chế điều tiết nguồn thu giữa ngân sách cấp tỉnh và cấp xã.

b) Dự toán chi ngân sách địa phương:

Căn cứ dự toán chi cân đối NSDP năm 2026; trên cơ sở định hướng mục tiêu của kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026 - 2030 và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH năm 2026 của địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN (nếu có) và các chế độ, chính sách do Trung ương, địa phương ban hành theo thẩm quyền, các địa phương xây dựng dự toán chi NSDP, chi tiết từng lĩnh vực chi (trong đó ưu tiên và tổng hợp riêng chi các nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 66-NQ/TW - gồm cả chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo đúng chủ trương của Đảng và pháp luật của nhà nước.

c) Đối với bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách địa phương:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất mức bội chi ngân sách cấp tỉnh khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Đồng thời, thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của việc vay nợ NSDP, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển, đánh giá lựa chọn nguồn vốn vay phù hợp và khả năng trả nợ trong trung hạn của NSDP trước khi đề xuất các khoản vay mới.

II. KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2026 - 2028

Căn cứ quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn, Kế hoạch tài chính, vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; Nghị quyết của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn đầu tư phát triển, chi thường xuyên NSNN:

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028 và chương trình quản lý nợ 03 năm cấp tỉnh.

2. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026-2028 thuộc phạm vi quản lý gửi Sở Tài chính để tổng hợp.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026

1. Sở Tài chính

Phối hợp với Chi cục Thống kê, các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương tổng hợp dự thảo báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, tính toán, xây dựng phương án tăng trưởng kinh tế cho năm 2026 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 trình Ủy ban nhân dân tỉnh *trước ngày 25 tháng 6 năm 2025*.

2. Chi cục Thống kê

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu đầu vào để Cục Thống kê biên soạn và công bố số liệu ước tính tăng trưởng GRDP năm 2025; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và

Môi trường và các cơ quan có liên quan xây dựng dự kiến chỉ tiêu tăng trưởng GRDP, GRDP bình quân đầu người, cơ cấu kinh tế, huy động tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2026, trên cơ sở phân đầu tăng trưởng GRDP 2026 đạt mức 02 con số.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

a) Hướng dẫn các ngành, các cấp trực thuộc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách.

b) Gửi các báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và dự kiến Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 về Sở Tài chính **trước ngày 10 tháng 6 năm 2025** theo Công văn số 1601/STC-KHTH ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Sở Tài chính.

Riêng các Công ty nhà nước gửi báo cáo kế hoạch sản xuất và kinh doanh năm 2026 cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

II. VỀ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2026 - 2028

1. Sở Tài chính hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; xây dựng kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028 và Kế hoạch đầu tư công năm 2026 của tỉnh phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn hướng dẫn có liên quan theo quy định.

2. Sở Nội vụ, các Sở, ban ngành tỉnh và địa phương khẩn trương xác định biên chế năm 2026, các năm 2027 - 2028 của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập, các hội thuộc phạm vi quản lý gắn với việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy làm cơ sở đề xuất dự toán NSNN năm 2026, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2026 - 2028, gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, báo cáo cấp có thẩm quyền.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính về tiến độ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, Sở Tài chính xác định tiến độ xây dựng cụ thể.

Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị sử dụng NSNN có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện